TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2026/QĐST-DS	*Hưng Hà, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/7/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 111/2026/TLST- DS, ngày 09 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1); Địa chỉ trụ sở: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.
- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng B - Trưởng phòng xử lý nợ.
- Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Quách Đức T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; bà Nguyễn Thị D1, bà Trần Thị Hải Y và ông Nguyễn Tùng D2 - Chuyên viên xử lý nợ.

Đều có địa chỉ: V1, số B H, phường T, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: ông Đỗ Đường H, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự đều thống nhất: tính đến ngày 20/7/2026, ông Đỗ Đường H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) số tiền là: 1.293.899.885 đồng (Một tỉ hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.166.410.549 đồng; lãi trong hạn là 10.650.279 đồng; lãi quá hạn là 116.313.375 đồng; lãi chậm trả là 525.682 đồng theo các hợp đồng cụ thể sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2306309603067 (LD2321000431) ký ngày 26/07/2023, số tiền vay: 618.000.000 đồng (Sáu trăm mười tám triệu đồng), giải ngân ngày 29/07/2023. Tính đến ngày 20/7/2026 ông H còn nợ V1 số tiền là

463.286.105 đồng (trong đó: nợ gốc là 411.297.402 đồng; lãi trong hạn là 3.385.040 đồng; lãi quá hạn là 48.449.713 đồng nợ lãi chậm trả là 153.950 đồng).

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2411054217319 (LD2519602228) ký ngày 13/11/2024 và khế ước nhận nợ ký ngày 15/7/2025 như sau: Số tiền vay: 650.000.000 đồng Sáu trăm năm mươi triệu đồng) giải ngân ngày 15/7/2025. Tính đến ngày 20/7/2026 ông H còn nợ V1 số tiền là: 706.458.894 đồng (trong đó: nợ gốc là 650.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.533.238 đồng; lãi quá hạn là 51.693.405 đồng; nợ lãi chậm trả là 232.251 đồng).

- Hợp đồng cho vay điện tử số LD2427900171 ký ngày 05/10/2024. Số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) giải ngân ngày 05/10/2024. Tính đến ngày 20/7/2026 ông H còn nợ V1 số tiền là 99.192.722 đồng (trong đó: nợ gốc là 84.129.516 đồng; nợ lãi là 1.777.217 đồng; lãi quá hạn là 13.195.424; nợ lãi chậm trả là 90.565 đồng).

- Hợp đồng cho vay điện tử số LD2131500410 ký ngày 11/11/2021. Số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) giải ngân ngày 11/11/2021. Tính đến ngày 20/7/2026 ông H còn nợ V1 số tiền là 24,962.164 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.983.631 đồng; nợ lãi là 954.784 đồng; lãi quá hạn là 2.974.833 đồng; nợ lãi chậm trả là 48.916 đồng).

2.2. Các đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

2.1. Ông Đỗ Đường H phải trả cho V1 tổng số tiền là: 1.293.899.885 đồng (Một tỉ hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.166.410.549 đồng; lãi trong hạn là 10.650.279 đồng; lãi quá hạn là 116.313.375 đồng; lãi chậm trả là 525.682 đồng (tính đến ngày 20/7/2026).

2.2. Kể từ ngày 21/7/2026 ông Đỗ Đường H vẫn phải tiếp tục trả cho V1 số tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất trên số dư nợ gốc chưa thanh theo các hợp đồng tín dụng đã nêu ở mục 2.1 cho đến khi ông H thực tế trả hết khoản nợ cho V1.

2.3. Trường hợp ông Đỗ Đường H không trả nợ được số tiền nêu trên cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp được ký theo hợp đồng thế chấp số 6865, ngày 17/11/2020 và hợp đồng thế chấp số LN2306309603067, ngày 26/7/2023 giữa V1 với ông H để thu hồi nợ cho V1, các tài sản gồm:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 725, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CP 102810, Số vào sổ cấp GCN: CS06474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/11/2018 ghi tên người sở hữu/sử dụng của ông Đỗ Đường H và 01 chiếc xe ô tô hiệu FORD, Ranger Sport, 2.0L, AT, 4x4, động cơ dầu, BKS: 17C-183.87, có số khung:

RLL2UMFA30PER48250, số máy: P02SRPE48250 thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Đường H.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên không đủ để thu hồi khoản nợ cho V1 thì ông H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với V1 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Về chi phí thẩm định: ông Đỗ Đường H tự nguyện chịu cả chi phí thẩm định số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng). Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên buộc ông H phải trả cho V1 số tiền 3.100.000 đồng.

4. Về án phí: ông Đỗ Đường H tự nguyện nộp cả số tiền án phí là 20.408.498 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm linh tám nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng). Trả lại V1 số tiền tạm ứng án phí V1 đã nộp là 38.280.000 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001772, ngày 08/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND KV8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HC-TP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thủy